

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG
TỈNH SÓC TRĂNG**

Bản án số: 03/2021/HNGĐ-ST

Ngày 15-01-2021

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Bích Tuyền

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Thanh Toàn

Ông Hà Văn Châu

- Thư ký phiên tòa: Bà Văn Ngọc Hân - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Đồ Ngọc Tuyền – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố S, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 322/2020/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 12 năm 2020 về tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 321/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Hồng H, sinh năm 1987 (có mặt)

Địa chỉ: khóm B, phường H, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Tấn T, sinh năm 1983 (có mặt)

Địa chỉ: đường P, khóm B, phường H, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 24 tháng 11 năm 2020, quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng H trình bày:

Bà Nguyễn Thị Hồng H và ông Nguyễn Tấn T kết hôn có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường H, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn số 21/2012, quyển số 02/2012, ngày 09/11/2012. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng sau đó thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do ông T không lo tu chí làm ăn, chơi cờ bạc dẫn đến nợ nần, không quan tâm chăm sóc gia đình, mẹ bà H có khuyên can nhưng ông T không thay đổi mà có thái độ thiếu tôn trọng mẹ vợ. Sau một đến hai năm thì ông T vẫn không thay đổi và về nhà mẹ ruột sinh sống đến cuối năm 2018 thì mâu thuẫn vợ chồng ngày càng gay gắt, năm 2019 bà H đã nộp đơn xin ly hôn với ông T nhưng sau đó bà H đã rút đơn khởi kiện. Nay bà H nhận thấy tình hình không thay đổi, tình cảm vợ chồng ngày một cách xa, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng không có khả năng hàn gắn.

Quá trình chung sống bà H và ông T có một người con chung tên Nguyễn Hồng Bảo N, (nữ, sinh ngày 17/06/2013) hiện cháu N đang sống chung với bà H, không có tạo lập được tài sản chung và không có nợ chung.

Nay bà Nguyễn Thị Hồng H yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Tấn T.

Về con chung: Bà H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng một người con chung tên Nguyễn Hồng Bảo N, (nữ, sinh ngày 17/06/2013) hiện cháu N đang sống chung với bà H đến khi cháu Ngọc đủ 18 tuổi và không yêu cầu ông T thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà Nguyễn Thị Hồng H tự khai không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

- Tại tờ tường trình ngày 22/12/2020 và tại phiên hòa giải ngày 23/12/2020, quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa bị đơn ông Nguyễn Tấn T trình bày:

Ông thống nhất với lời trình bày của vợ ông là bà Nguyễn Thị Hồng H về quá trình xác lập quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung. Còn về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn thì ông không thống nhất, từ khi kết hôn đến nay giữa ông và bà H không có mâu thuẫn gì, nhưng sau khi kết hôn ông sống bên vợ, giữa ông và mẹ vợ không hợp tính với nhau, nên từ năm 2015 ông về nhà mẹ ruột sinh sống nhưng vẫn qua lại nhà mẹ vợ chăm sóc con. Từ tháng 07/2020 bà H đi Cần Thơ chơi với bạn nên giữa ông và bà H mới phát sinh mâu thuẫn. Nay bà H cương quyết xin ly hôn nên ông cũng đồng ý.

Về con chung: Ông không đồng ý giao con chung tên Nguyễn Hồng Bảo N, (nữ, sinh ngày 17/06/2013) cho bà H nuôi dưỡng. Ông yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Ngọc đến khi cháu Ngọc đủ 18 tuổi, ông không yêu cầu bà H thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông T và bà H tự khai không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

- Ý kiến của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng tại phiên tòa:

Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã tiến hành các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự như: Xác định đúng thẩm quyền thụ lý vụ án, xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của các đương sự, việc thu thập chứng cứ đúng theo quy định. Về thời hạn chuẩn bị xét xử được đảm bảo theo quy định. Về thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, việc cấp tổng đạt đảm bảo đúng theo quy định. Tại phiên Tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về phiên tòa sơ thẩm. Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, đề nghị của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Hồng H, về quan hệ hôn nhân của bà Nguyễn Thị Hồng H và ông Nguyễn Tấn T không vi phạm các điều kiện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng theo quy định tại Điều 9, Điều 11 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Thời gian đầu bà H, ông T chung sống hạnh phúc nhưng vài năm sau thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do ông T không quan tâm chăm sóc gia đình, mẹ bà H có khuyên can nhưng ông T không thay đổi mà có thái độ thiếu tôn trọng mẹ vợ. Tại tòa bà H xác định không còn tình cảm với ông T, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng không còn khả năng hàn gắn và bà H kiên quyết xin ly hôn với ông T. Ông T cũng đồng ý ly hôn với bà H. Đồng thời, từ tháng 7 năm 2020 đến nay ông T và bà H đã sống ly thân không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Tòa án đã tiến hành hòa giải đoàn tụ nhưng không thành. Nhận thấy, tình trạng hôn nhân giữa các bên đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà H được ly hôn với ông T.

[2] Về con chung: Bà Nguyễn Thị Hồng H và ông Nguyễn Tấn T đều yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung là Nguyễn Hồng Bảo N, (nữ, sinh ngày 17/06/2013) đến khi cháu N đủ 18 tuổi. Xét thấy, tại phiên tòa ông T và bà H đều xác định từ khi cháu N từ khi sinh ra đến nay là chung sống với bà H tại nhà mẹ vợ. Xét thấy cháu N từ khi sinh ra đến nay cháu được bà H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và sống cùng gia đình bà H, về tâm sinh lý phát triển bình thường và được đi học đầy đủ. Đồng thời, tại văn bản trình bày ý kiến ngày 23/12/2020 cháu N có nguyện vọng sống chung với mẹ. Do đó, để tránh xáo trộn môi trường sống và ảnh hưởng tâm lý của cháu N, xuất phát từ mọi lợi ích của cháu N. Nên Hội đồng xét xử căn cứ vào quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu của bà H giao cháu tên cháu Nguyễn Hồng Bảo N hiện đang sống chung với bà H cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu N đủ 18 tuổi.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con: Do bà H không yêu cầu ông T thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Ông Nguyễn Tấn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định tại Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình mà không ai được cản trở.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Bà Nguyễn Thị Hồng H và ông Nguyễn Tấn T tự khai không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Như đã phân tích nêu trên, lời đề nghị của Kiểm sát viên về nội dung vụ án là có cơ sở chấp nhận.

[7] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Hồng H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn theo quy định tại Điểm a, Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điều 5; Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điều 273; Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng: Khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Hồng H và ông Nguyễn Tấn T.

2. Về con chung và cấp dưỡng:

2.1. Giao con chung tên Nguyễn Hồng Bảo N, (nữ, sinh ngày 17/06/2013) hiện đang sống chung với bà H tại địa chỉ: Số 187 đường N, khóm B, phường H, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng cho Nguyễn Thị Hồng H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu N đủ 18 tuổi. Ông Nguyễn Tấn T không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Ông Nguyễn Tấn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định tại Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Bà Nguyễn Thị Hồng H và ông Nguyễn Tấn T tự khai không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Hồng H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn nhưng được trừ vào số tiền ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0004865 ngày 27/11/2020 của Chi Cục thi hành án dân sự thành phố S, tỉnh Sóc Trăng; Bà Nguyễn Thị Hồng H đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Ông Nguyễn Tấn T không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

5. Các đương sự được quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSNDTPST;
- Chi cục THADSTPST;
- Ủy ban nhân dân phường H, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thị Bích Tuyền